

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 645/2024/DS-PT
Ngày: 26 - 12 - 2024
V/v tranh chấp: "Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Vĩnh Hữu**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Thị Thanh Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 561/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "Đòi lại tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 160/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 700/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Hồ Văn V, sinh năm 1969 (Có mặt).

2/ Nguyễn Văn L, sinh năm 1957 (Có mặt).

3/ Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 (Có mặt).

4/ Nguyễn Thị G, sinh năm 1960 (Có mặt).

5/ Võ Văn T1, sinh năm 1980 (Có mặt).

6/ Nguyễn Thanh V1, sinh năm 1987 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

7/ Ngô Minh C, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:

1/ Nguyễn Thị T2, sinh năm 1972 (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T2: Ông Nguyễn Văn G1, sinh năm 1944 (Có mặt).

Địa chỉ: Số F Rạch G, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 13/12/2024)

2/ Nguyễn Hồng K, sinh năm 1971 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Hồng K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, các nguyên đơn Hồ Văn V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị G, Võ Văn T1, Nguyễn Thanh V1, Ngô Minh C trình bày:

Các nguyên đơn là nông dân có đất vườn tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do diện tích đất của các nguyên đơn không có lối đi nên muốn đi ra đường công cộng thì phải đi nhờ qua phần đất của vợ chồng bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Hồng K.

Vào năm 2019, vợ chồng bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Hồng K có đồng ý cho các nguyên đơn bơm 210 khối cát lấp để làm lối đi trị giá tiền bơm 210 khối cát lấp khoảng 35.000.000đồng. Tuy nhiên sau khi tiến hành bơm đủ 210 khối cát lên đất của vợ chồng bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Hồng K tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang để làm lối đi thì bị vợ chồng bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Hồng K rào đường lại không cho đi.

Nay các nguyên đơn yêu cầu Toà án buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Hồng K phải trả lại cho các nguyên đơn 35.000.000đồng tiền bơm cát lên đất của vợ chồng Nguyễn Thị T2 và Nguyễn Hồng K (tọa lạc tại ấp L - B - C - Tiền Giang). Trả đủ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên theo biên bản định giá thì giá trị cát chỉ còn 6.624.000đồng nên các nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu các bị đơn bồi thường theo giá của Hội đồng định giá.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Hồng K thống nhất trình bày: Trước đây, ông bà có cho hộ ông Nguyễn Văn L đi nhờ, sau đó ông bà có làm cổng rào để bảo vệ vườn cây ăn trái nhưng vẫn chưa cổng và lối đi cho hộ ông L. Tuy nhiên, ông L và con ông L nói trước chính quyền ấp là không cần đi trên lối đi này nữa nên ông bà khóa lại. Nay các nguyên đơn yêu cầu ông bà phải trả lại 35.000.000đồng (tại phiên hòa giải ngày 13/8/2024 các nguyên đơn chỉ yêu cầu trả số tiền 6.624.000đồng) thì ông bà không đồng ý. Bà T2 và ông K trình bày việc cho bơm cát từ năm 2015 chứ không phải từ năm 2019 như các nguyên

đơn trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 160/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Điều 26, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 288, 357, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Hồ Văn V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị G, Võ Văn T1, Nguyễn Thanh V1, Ngô Minh C.

Buộc các bị đơn Nguyễn Thị T2 và Nguyễn Hồng K có nghĩa vụ trả cho các nguyên đơn Hồ Văn V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị G, Võ Văn T1, Nguyễn Thanh V1, Ngô Minh C số tiền 6.624.000đồng (Sáu triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày các nguyên đơn có đơn yêu cầu Thi hành án nếu các bị đơn chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo qui định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 17/9/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Hồng K có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 160/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và Bị đơn giữ nguyên cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà T2, ông K lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Hồng K làm trong hạn luật định và phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: các nguyên đơn Hồ Văn V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị G, Võ Văn T1, Nguyễn Thanh V1, Ngô Minh C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Hồng K trả giá trị cát lấp mà các nguyên đơn đã bơm tạo lối đi trên đất của bà T2, ông K theo giá của Hội đồng định giá là 6.624.000đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, bà T2, ông K không đồng ý nên có yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét nội dung kháng cáo và yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Hồng K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các nguyên đơn Hồ Văn V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị G, Võ Văn T1, Nguyễn Thanh V1, Ngô Minh C có diện tích đất nằm bên trong phần đất của bà T2 và ông K, để đi ra đường công cộng các nguyên đơn phải đi nhờ qua phần đất thuộc quyền sử dụng của bà T2 và ông K. Năm 2015 bà T2, ông K đồng ý cho các nguyên đơn bơm cát lấp cập bờ ranh để làm lối đi, các nguyên đơn đã cùng nhau hùn tiền bơm cát để làm lối đi chung đến đầu năm 2023 bà T2, ông K làm hàng rào kéo lưới B40 gần hết lối đi chung nên các nguyên đơn không đi vào phần đất của mình được để canh tác. Theo trình bày của bà T2 và ông K khi làm hàng rào để bảo vệ cây trái trong vườn, ông bà có chừa cổng rào và lối đi cho hộ gia đình ông L nhưng ông L và con ông L nói trước chính quyền áp là không cần đi trên lối đi này nữa nên ông, bà khóa lại. Nhưng các nguyên đơn cho rằng, khi bà T2, ông K rào không còn lối đi, các nguyên đơn có yêu cầu chính quyền áp hòa giải. Tại buổi hòa giải các nguyên đơn có yêu cầu bà T2, ông K dời hàng rào để cho các nguyên đơn có lối đi nhưng bà T2 không đồng ý.

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án là biên bản hòa giải ngày 23/6/2023 của ấp L1, xã B thể hiện các nguyên đơn yêu cầu bà T2 để lại lối đi cho các nguyên đơn đi nhưng bà T2 cho rằng khi rào đất bà còn để lại bờ ranh còn các nguyên đơn muốn có lối đi lớn thì đi đâu đi bà không đồng ý dời hàng rào.

Như vậy, theo lời trình bày của bà T2 cũng như tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện việc các nguyên đơn đi trên đất của bà T2, ông K là có sự đồng ý của ông K và bà T2, việc các nguyên đơn bơm cát san lấp tạo lối đi trên đất của ông K, bà T2 là có sự đồng ý và thỏa thuận của bà T2 và ông K. Nay bà T2, ông K không đồng ý cho các nguyên đơn tiếp tục đi trên đất của mình thì bà

T2, ông K phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị công san lắp cho các nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp.

Các nguyên đơn yêu cầu bà T2, ông K hoàn trả giá trị công san lắp chung cho các nguyên đơn theo giá của Hội đồng định giá với số tiền 6.624.000 đồng là có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp.

Bà T2, ông K không đồng ý với quyết định án sơ thẩm nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T2, ông K giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà T2, ông K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 166, Điều 288, Điều 579 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Hồng K. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 160/2024/DS-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông: Hồ Văn V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Võ Văn T1, Nguyễn Thanh V1, Ngô Minh C và bà Nguyễn Thị G.

Buộc bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Hồng K có nghĩa vụ liên đới trả cho các ông: Hồ Văn V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Võ Văn T1, Nguyễn Thanh V1, Ngô Minh C và bà Nguyễn Thị G số tiền là 6.624.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Hồng K liên đới chịu 331.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà T2, ông K đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số

0011731 ngày 17/9/2024 của Chi cục thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

H lại cho các ông: Hồ Văn V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Võ Văn T1, Nguyễn Thanh V1, Ngô Minh C và bà Nguyễn Thị G 875.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010929 ngày 21/02/2024 của Chi cục thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Kể từ ngày các ông: Hồ Văn V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Võ Văn T1, Nguyễn Thanh V1, Ngô Minh C và bà Nguyễn Thị G yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu bà T2, ông K chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyết Linh

